

Bản án số: **529/2019/DS-PT**

Ngày: 07-6-2019

V/v tranh chấp về hợp đồng thi
công và bồi thường thiệt hại.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Đào Quốc Thịnh

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Hữu Thor

Bà Trần Thị Thương

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Vân Anh – Thư ký Tòa án nhân dân
Thành phố Hồ Chí Minh.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia
phiên tòa:** Bà Hoàng Anh Nga – Kiểm sát viên.

Vào các ngày 16/5/2019 và ngày 07/6/2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân
Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số
190/2019/TLPT-DS ngày 12 tháng 3 năm 2019 về việc “*Tranh chấp về hợp
đồng thi công và bồi thường thiệt hại*”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 200/2018/DS-ST ngày 12/12/2018 của Tòa
án nhân dân huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 1459/2019/QĐ-PT
ngày 28/3/2019, Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số 2592/QĐ-PT ngày
22/4/2019 và Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 3760/2019/QĐPT-DS ngày
16/5/2019, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Nguyễn Đình H, sinh năm 1976 (có mặt)

Địa chỉ: 63/22 đường số 11, khu phố 9, phường A, quận D, Thành phố Hồ
Chí Minh.

Bị đơn: Bà Lâm Thị Ngọc K, sinh năm 1959 (có đơn đề nghị xét xử
vắng mặt)

Địa chỉ: 154/12 Q, Phường 2, Quận R, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Lương Tú X (vắng mặt)

Địa chỉ: 72 Đường số 9, khu dân cư S, ấp 4B, xã E, huyện B, Thành phố
Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung bản án sơ thẩm:

Ông Nguyễn Đình H trình bày tại đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa như sau:

Tháng 11/2013, ông H và bà K ký Hợp đồng giao nhận sửa chữa và cải tạo căn biệt thự số 72 Đường số 9, khu dân cư S, ấp 4, xã E, huyện B (*sau đây gọi tắt là Hợp đồng tháng 11/2013*). Sau khi hoàn thành những hạng mục trong hợp đồng và những phát sinh (trước tết) thì giữa ông H và bà K đã tất toán với nhau tổng giá trị hợp đồng là 695.000.000 đồng, bà K đã thanh toán đủ cho ông H số tiền mà hai bên đã tất toán, giữa ông H và bà K không còn tranh chấp liên quan đến hợp đồng giao nhận sửa chữa và cải tạo Căn biệt thự số 72.

Tháng 2/2014, bà K có yêu cầu ông H thiết kế và cải tạo lại sân vườn, hệ thống báo trộm cùng một số hạng mục phát sinh khác của Căn biệt thự số 72. Tuy nhiên, việc thỏa thuận giữa hai bên không được lập thành văn bản mà hai bên chỉ thỏa thuận miệng với nhau. Sau khi hoàn thành công việc theo thỏa thuận, ông H đã gửi bản quyết toán tổng cộng 250.000.000 đồng nhưng bà K không thanh toán số tiền trên cho ông H.

Theo Chứng thư thẩm định giá số 0360517/CT-TV ngày 28/10/2017 của Công ty cổ phần định giá và đầu tư kinh doanh bất động sản Thịnh Vượng thì hạng mục công trình thiết kế và cải tạo lại sân vườn, hệ thống báo trộm cùng một số hạng mục phát sinh khác của Căn biệt thự số 72 lên đến 298.555.000 đồng.

Trong quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án, bà K nói một số thông tin sai sự thật, chứng cứ mơ hồ, cố tình tìm cách đối phó, nhằm hoang mang, hạ thấp uy tín, nhân phẩm làm tổn thất cho ông H rất nhiều về công sức, tinh thần và thời gian.

Tại phiên tòa, ông H xác định yêu cầu khởi kiện đối với bà K như sau:

1. Yêu cầu bà K trả cho ông H số tiền 298.555.000 đ (hai trăm chín mươi tám triệu năm trăm năm mươi ngàn đồng) theo kết quả chứng thư thẩm định giá của Công ty cổ phần định giá và đầu tư kinh doanh bất động sản Thịnh Vượng lập (số 0360517/CT-TV) ngày 28/10/2017; lãi suất do chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán theo quy định của pháp luật là lãi suất quá hạn tính từ ngày 15/5/2014 đến ngày bản án có hiệu lực pháp luật theo lãi suất 10%/năm. Tạm tính đến ngày 12/12/2018 là 299.560.000 đ (hai trăm chín mươi chín triệu năm trăm sáu mươi ngàn đồng). Tổng cộng: 598.115.000 đ (năm trăm chín mươi tám triệu một trăm mười lăm ngàn đồng).

2. Yêu cầu bà K bồi thường thiệt hại do nhân phẩm, danh dự, uy tín bị xâm phạm là 100.000.000 đ (một trăm triệu đồng).

Bà Lâm Thị Ngọc K trình bày trong bản tự khai, biên bản hòa giải như sau:

Tháng 11/2013 ông H và bà K ký hợp đồng giao nhận sửa chữa và cải tạo căn biệt thự số 72 Đường số 9, khu dân cư S, ấp 4, xã E, huyện B. Sau khi hoàn thành những hạng mục trong hợp đồng và những phát sinh (trước tết) thì giữa ông H và bà K đã tất toán với nhau tổng giá trị hợp đồng là 695.000.000 đ (sáu trăm chín mươi lăm triệu đồng), bà K đã thanh toán đủ cho ông H số tiền mà hai bên đã tất toán, giữa ông H và bà K không còn tranh chấp liên quan đến hợp đồng giao nhận sửa chữa và cải tạo căn biệt thự số 72 Đường số 9, khu dân cư S, ấp 4, xã E, huyện B.

Đối với việc thiết kế và cải tạo lại sân vườn, hệ thống báo trộm cùng một số hạng mục phát sinh khác của căn biệt thự số 72 Đường số 9, khu dân cư S, ấp 4, xã E, huyện B thì bà K có ý kiến như sau: Bà K không có yêu cầu ông H thực hiện công trình thiết kế, cải tạo sân vườn, hệ thống báo trộm và một số hạng mục khác của căn biệt thự số 72 Đường số 9, khu dân cư S, ấp 4, xã E, huyện B theo như lời trình bày của ông H. Do đó, bà K không đồng ý với toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông H.

Bà Lương Tú X vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án nên không thể hiện ý kiến của bà Lương Tú X.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 200/2018/DS-ST ngày 12/12/2018 của Tòa án nhân dân huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh tuyên xử:

1. Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Đình H đối với bà Lâm Thị Ngọc K.

2. Về án phí:

Ông H chịu 31.924.600 đ (ba mươi một triệu chín trăm hai mươi bốn triệu sáu trăm đồng) án phí dân sự sơ thẩm, được trừ với số tiền 6.888.000 đ (sáu triệu tám trăm tám mươi tám ngàn đồng) mà ông Nguyễn Đình H đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AE/2014/0009338 ngày 11/11/2015 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện B; được trừ với số tiền 2.500.000 đ (hai triệu năm trăm ngàn đồng) là số tiền tạm ứng án phí mà ông Nguyễn Đình H đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AE/2014/0009338 ngày 11/11/2015 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện B. Ông Nguyễn Đình H còn phải nộp thêm số tiền: 22.536.600 đ (hai mươi hai triệu năm trăm ba mươi sáu ngàn sáu trăm đồng).

Ngoài ra án sơ thẩm còn giải quyết các vấn đề về quyền, nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo theo luật định.

Sau khi xét xử sơ thẩm,

Ngày 25/12/2018, ông Nguyễn Đình H làm đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, yêu cầu sửa án sơ thẩm do bản án sơ thẩm gây ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của ông.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Nguyên đơn trình bày: Tòa án cấp sơ thẩm nhận định ông không có thi công công trình cải tạo và sửa chữa phát sinh giai đoạn 2 đối với căn nhà số 72 và việc bà K cho rằng ông thi công không được sự đồng ý của bà K là không đúng sự thật vì các lý do sau:

- Tất cả việc thi công đều có thỏa thuận bằng miệng với nhau.

- Tại Biên bản bàn giao chứng cứ ngày 12/8/2016 của bà K giao trực tiếp cho ông tại Tòa án nhân dân huyện B có Bảng báo giá khối lượng công trình mà bà K đã thanh toán, lúc đầu ông không nhận và có gạch bỏ nhưng sau đó ông có ký nhận lại. Chính điều này thể hiện ông có thi công cho bà Hiền.

Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Chủ tọa, Hội đồng xét xử đã tiến hành đúng các quy định của pháp luật, những người tham gia phiên tòa đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo luật định.

Về nội dung: Tài liệu trong hồ sơ thể hiện : Sau khi thực hiện xong Hợp đồng thi công tháng 11/2013, thì ông H có tiếp tục thi công sửa chữa đối với căn biệt thự số 72 Đường số 9, khu dân cư S, ấp 4, xã E, huyện B. Tuy nhiên, hai bên không thống nhất được: Việc làm này được có thỏa thuận hay không; Thỏa thuận với ai; Thỏa thuận thi công đối với hạng mục nào; Thực tế đã thi công được hạng mục nào; Số tiền bà K đã trả cho ông H là bao nhiêu?

Như vậy là có sự mâu thuẫn trong lời khai giữa các bên đương sự nhưng Tòa án cấp sơ thẩm đã không tiến hành đối chất theo quy định tại Điều 100 Bộ luật Tố tụng dân sự là ảnh hưởng đến quyền, lợi ích hợp pháp của đương sự mà cấp phúc thẩm không thể khắc phục được.

Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Đình H, hủy bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, sau khi nghe các bên đương sự trình bày ý kiến, sau khi nghe Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm, sau khi nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. *Về hình thức:* Đơn kháng cáo của ông Nguyễn Đình H trong hạn luật định, hợp lệ nên được chấp nhận.

Về thủ tục tố tụng xét xử vắng mặt đương sự: Bà Lâm Thị Ngọc K có đơn xin xét xử vắng mặt, bà Lương Tú X được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt. Căn cứ khoản 2, khoản 3 Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà K, bà X.

[2]. Về nội dung kháng cáo:

[2.1]. Theo nội dung Biên bản hòa giải lập ngày 06/01/2016 phần trình bày của bà K (*Bút lục số 154*), bà K xác định những vấn đề sau:

- Tháng 12/2013 ông H và bà K ký hợp đồng sửa chữa và cải tạo căn biệt thự số 72 Đường số 9, khu dân cư S, ấp 4, xã E, huyện B với chi phí là 345.000.000 đồng.

- Trong khi thi công ông H tự có thực hiện phần phát sinh ngoài khối lượng của hợp đồng ban đầu.

- Bà K đã thanh toán: 630.000.000 đồng gồm:

- + Phần Hợp đồng tháng 11/2013 là 345.000.000 đồng;

- + Phần hợp đồng thi công lần 2 (tức phần phát sinh) 250.000.000 đồng;

- + Hóa đơn: 35.000.000 đồng.

- Sau tết âm lịch, ông H có gửi email đòi bà K số tiền là 362.000.000 đồng nhưng bà K không chấp nhận trả vì ông H thi công cầu thả chưa bàn giao công trình, công trình không đạt chất lượng, hệ thống bình lọc nước không thể hoạt động được.

Vì vậy có căn cứ xác định, ngoài khối lượng của Hợp đồng tháng 11/2013 (345.000.000 đồng), ông H còn thực hiện phần khối lượng phát sinh thêm ngoài Hợp đồng tháng 11/2013 và đã được bà K thanh toán đối với phần phát sinh này là 285.000.000 đồng (theo lời khai của bà K).

Cũng theo nội dung Biên bản hòa giải lập ngày 06/01/2016, phần trình bày của ông H (*Bút lục số 155*), ông H xác nhận có nhận của bà K tổng cộng là 665.000.000 đồng.

[2.2]. Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn cung cấp 02 (hai) Biên bản bàn giao chứng cứ ngày 12/8/2016 do ông H và bà K lập để giao nộp chứng cứ cho nhau, trong đó:

- Ông H cung cấp cho bà K các giấy tờ thi công từ ngày 10/02/2014 đến ngày 30/3/2014, giá trị là 250.000.000 đồng (theo như đơn khởi kiện);

- Bà K cung cấp chứng cứ cho ông H trong đó có “*Bảng báo giá khối lượng công trình tôi đã thanh toán*”. Mặc dù đã được gạch bỏ nhưng sau đó vẫn có chữ ký của ông H “đã nhận”.

Tài liệu trong hồ sơ (*Bút lục số 19 và 20*) thể hiện: Ngày 19/7/2016, Tòa án nhân dân huyện B có Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải triệu tập đương sự tham gia vào lúc 08 giờ 30 ngày 12/8/2016. Ngày 12/8/2016, Tòa án cấp sơ thẩm có lập Biên bản ghi nhận sự vắng mặt do bà Lương Tú X vắng mặt. Tuy nhiên, trong biên bản này không thể hiện ý kiến của nguyên đơn và bị đơn có đồng ý tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải mà vắng mặt bà X hay không.

Do Tòa án cấp sơ thẩm cũng không thực hiện phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải vào ngày 20/8/2016 và các lần Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải sau ngày 12/8/2016 không có đề cập đến chứng cứ do bà K cung cấp nên việc tại phiên tòa phúc thẩm ông H xuất trình chứng cứ là Biên bản bàn giao chứng cứ ngày 12/8/2016 giữa bà K và ông H trong đó có “*Bảng báo giá khối lượng công trình tôi đã thanh toán*” là có hay không và nội dung của “*Bảng báo giá khối lượng công trình tôi đã thanh toán*” là như thế nào thì Hội đồng xét xử phúc thẩm không có căn cứ để xác định.

[2.3] Từ nhận định [2.1] và [2.2] có căn cứ xác định như sau: Sau khi thực hiện xong Hợp đồng thi công tháng 11/2013 với giá trị 345.000.000 đồng, ông H có tiếp tục thi công sửa chữa đối với căn biệt thự số 72 Đường số 9, khu dân cư S, ấp 4, xã E, huyện B. Tuy nhiên, giữa ông H và bà K không thống nhất được: Việc làm này được có thỏa thuận hay không; Thỏa thuận với ai (nếu có, vì theo Hợp đồng thi công tháng 11/2013 bà K chỉ là người đại diện ký hợp đồng); Thỏa thuận thi công đối với hạng mục nào; Thực tế đã thi công được hạng mục nào; Số tiền bà K đã trả cho ông H là bao nhiêu (665.000.000 đồng – như lời khai ông H hay 630.000.000 đồng như lời khai của bà K)?

Như vậy là có sự mâu thuẫn trong lời khai giữa các bên đương sự nhưng Tòa án cấp sơ thẩm đã không tiến hành đối chất theo quy định tại Điều 100 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 là ảnh hưởng đến quyền, lợi ích hợp pháp của đương sự. Tại phiên tòa phúc thẩm, bà K vắng mặt nên cấp phúc thẩm không thể thực hiện bổ sung được, do vậy cần hủy bản án sơ thẩm để giải quyết lại theo thủ tục sơ thẩm.

Việc chưa giải quyết được tranh chấp về hợp đồng thi công thì không thể giải quyết phần tranh chấp về bồi thường thiệt hại, do vậy cần hủy toàn bộ bản án sơ thẩm để giải quyết lại theo thủ tục sơ thẩm.

Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về nội dung vụ kiện là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Nguyễn Đình H; Hủy bản án sơ thẩm.

[3]. Về án phí dân sự phúc thẩm: Do hủy bản án sơ thẩm nên người kháng cáo ông Nguyễn Đình H không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 308, khoản 1 Điều 310 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 3 Điều 29, khoản 2 Điều 47 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Nguyễn Đình H.

Tuyên xử:

1. Hủy Bản án dân sự sơ thẩm số 200/2018/DS-ST ngày 12/12/2018 của Tòa án nhân dân huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử vụ án tranh chấp về hợp đồng thi công và bồi thường thiệt hại giữa nguyên đơn ông Nguyễn Đình H và bị đơn bà Lâm Thị Ngọc K; Chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân huyện B giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

2. Về án phí dân sự phúc thẩm: Hoàn trả lại số tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm mà ông Nguyễn Đình H đã nộp là 300.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2018/0006603 ngày 25/12/2018 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHỨC THẨM
CÁC THẨM PHÁN THẨM PHÁN - CHỦ TOA PHIÊN TÒA

Nguyễn Hữu Thơ

Trần Thi Thương

Đào Quốc Thịnh